

Bản án số: 23/2024/HNGĐ – ST

Ngày 25 tháng 7 năm 2024.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phàng Thị Cờ;

2. Bà Trần Thị Trúc;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vui Thị H, sinh ngày 04/3/1989;

Địa chỉ: thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò A T, sinh ngày 01/01/1983.

Địa chỉ: thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 26/4/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Vui Thị H trình bày:

Chị và anh Lò A T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến ngày 16/7/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo qui định của pháp luật.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Hoa phải đi làm giữa Trung Quốc và Việt Nam, mỗi khi về nhà anh Tuấn thường ghen vô cớ, mặt khác anh Tuấn hay đi uống rượu, mỗi lần uống rượu về lại chửi vợ con, từ đó dẫn đến việc vợ chồng hay cãi nhau, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không khắc phục được. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2024, thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con: Trong thời gian chung sống vợ chồng sinh được 03 con chung, cháu thứ nhất Lò Thị Phương Quỳnh, sinh ngày 08/10/2005, cháu thứ hai Lò Phương Linh, sinh ngày 28/10/2007 và cháu thứ ba Lò Đức Luân, sinh ngày 03/7/2015. Đối với cháu Lò Thị Phương Quỳnh hiện nay đã đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 02 cháu còn lại chị có nguyện vọng nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2024 chị Vui Thị H đã thay đổi nội dung khởi kiện về việc nuôi con chung, do chị phải đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về, vì vậy chị để anh Tuấn nuôi dưỡng cả hai cháu.

Chị Hoa cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 cháu, cháu Lò Phương Linh và cháu Lò Đức Luân, mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Lò A T không nợ ai và không cho ai vay, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lò A T, do anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy không tổng đạt trực tiếp được, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh Tuấn không đến và không nộp tài liệu chứng cứ gì.

Do nguyên đơn chị Vui Thị H, có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, vì vậy vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên có quan điểm:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vui Thị H được ly hôn anh Lò A T.

Về con chung: Giao cháu Lò Phương Linh, sinh ngày 28/10/2007 và cháu thứ ba Lò Đức Luân, sinh ngày 03/7/2015 cho anh Lò A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vui Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 cháu, cháu Lò Phương Linh và cháu Lò Đức Luân, mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Vui Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lò A T có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Vui Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lò A T vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Vui Thị H và anh Lò A T.

[2] Chị Vui Thị H và anh Lò A T về ở với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến ngày 16/7/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 16/7/2018. Căn cứ vào khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị được xác lập kể từ thời điểm anh, chị đăng ký kết hôn, hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Chị Vui Thị H và anh Lò A T sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Hoa phải đi làm xa nhà, đi lại giữa Trung Quốc và Việt Nam, mỗi khi về nhà anh Tuấn thường ghen vô cớ, hay đi uống rượu, mỗi lần uống rượu về thường xuyên cãi chửi nhau, chị đã

nhiều lần khuyên giải nhưng không khắc phục được. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2024, thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau, chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh, chị cư trú cũng xác nhận việc vợ chồng chị Vui Thị H và anh Lò A T có mâu thuẫn như ở trên và hiện tại đang sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn của anh, chị là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị Hoa cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương. Nay chị Hoa xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Hoa, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Hoa được ly hôn anh Lò A T. Quan hệ hôn nhân của chị Vui Thị H và anh Lò A T chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về con: Chị Vui Thị H và anh Lò A T sinh được 03 con chung, cháu thứ nhất Lò Thị Phương Quỳnh, sinh ngày 08/10/2005, cháu thứ hai Lò Phương Linh, sinh ngày 28/10/2007 và cháu thứ ba Lò Đức Luân, sinh ngày 03/7/2015. Đối với cháu Lò Thị Phương Quỳnh hiện nay đã đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 02 cháu còn lại chị có nguyện vọng nuôi cả hai con đến tuổi trưởng thành. Tại bản tự khai ngày 16/5/2024 chị Hoa đã thay đổi nội dung khởi kiện về việc nuôi con chung, do chị phải đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về, vì vậy chị để anh Tuấn nuôi dưỡng cả hai cháu, xét thấy yêu cầu chị Hoa đưa ra là có căn cứ, quá trình giải quyết anh Tuấn không đến, không đưa ra tài liệu chứng cứ gì, chính quyền địa phương nơi anh Tuấn cư trú xác nhận hiện tại cả 3 cháu đang ở với anh Tuấn, anh Tuấn đi làm ở cửa khẩu Kim Thành, đến tối mới về, quá trình sống tại địa phương thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, việc giao con cho anh Tuấn nuôi đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Mặt khác khi Tòa án hỏi ý kiến của 02 cháu thì cả hai cháu đều muốn ở với anh Tuấn. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Hoa, giao cả hai con cho anh Tuấn nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết chị Vui Thị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 cháu, cháu Lò Phương Linh và cháu Lò Đức Luân, mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện của chị Hoa là phù hợp với mức thu nhập hàng tháng của chị Hoa đã đưa ra, phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, vì vậy cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vui Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Vui Thị H được ly hôn anh Lò A T. Quan hệ hôn nhân của chị Vui Thị H và anh Lò A T chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Anh Lò A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu, cháu Lò Phương Linh, sinh ngày 28/10/2007 và cháu Lò Đức Luân, sinh ngày 03/7/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vui Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho 02 cháu mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Vui Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0000639 ngày 03 tháng 5 năm 2024. Chị Vui Thị H còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát (2);
- Đường sự (2);
- UBND xã Quang Kim;
- THA DS;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

